



# ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. MỸ GIANG SƠN  
Trường Đại học Sài Gòn

## 1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hiện nay, trước sự bùng nổ dân số, bùng nổ thông tin và tiến bộ khoa học - công nghệ, giáo dục Việt Nam cần phải đổi mới căn bản và toàn diện để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, "chuyển gánh nặng dân số thành lợi thế của quốc gia" [5, tr. 14], đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi phân tích **tính tất yếu của sự đổi mới về mặt lý luận và thực tiễn, những định hướng cụ thể về đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay**.

## 2. Tính tất yếu của đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục

### 2.1. Về mặt lý luận

Giáo dục là một hiện tượng xã hội phức tạp. Giáo dục phản ánh những nhu cầu phát triển của xã hội và góp phần làm cho xã hội phát triển bằng cách chuẩn bị lớp người thay thế các thế hệ trước. Giáo dục là quá trình tác động của nhà giáo dục một cách có mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp, kết hợp với nhiều phương tiện khác, nhằm tác động vào sự phát triển nhân cách theo yêu cầu của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Khi giai đoạn lịch sử thay đổi, yêu cầu của xã hội về nhân cách cũng thay đổi, tất yếu giáo dục cũng phải thay đổi để tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách theo đúng yêu cầu của xã hội.

Nếu nói giáo dục là hiện tượng xã hội thì quản lý giáo dục cũng vậy. Giáo dục xuất hiện nhằm thực hiện cơ chế truyền kinh nghiệm lịch sử - xã hội của thế hệ đi trước cho thế hệ đi sau, và thế hệ sau kế thừa, phát triển nó một cách sáng tạo, làm cho xã hội và bản thân con người phát triển. Quản lý được coi là nhân tố tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện cơ chế nêu trên. Tác giả Trần Kiểm (2011) phân biệt quản lý giáo dục cấp vĩ mô và quản lý giáo dục cấp vi mô [9, tr. 10 - 11]. Quản lý giáo dục cấp vĩ mô là những tác động tự giác (có ý thức, mục đích, kế hoạch, hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ cấp cao nhất đến các cơ sở giáo dục) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu của xã hội. Quản lý giáo dục cấp vi mô là quản lý cơ sở giáo dục; là hệ thống những tác động có hướng đích của chủ thể quản lý đến các hoạt động giáo dục, con người (giáo viên, cán bộ nhân viên và học sinh), các nguồn lực (cơ sở vật chất, tài chính,...), đến các ảnh hưởng ngoài cơ

sở giáo dục một cách hợp quy luật (quy luật quản lý, giáo dục, tâm lí, kinh tế, xã hội, v.v...) nhằm đạt mục tiêu giáo dục. Tác động của chủ thể quản lý giáo dục đến đối tượng bị quản lý không thể là những tác động cảm tính, mà phải tuân thủ các quy luật khách quan và chịu sự chế ước của xã hội. Quản lý giáo dục có bản chất vì lợi ích phát triển giáo dục, nhằm đạt mục tiêu cao nhất là hình thành và phát triển nhân cách người được giáo dục, đáp ứng yêu cầu của những điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể.

Như vậy, đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục phải được đặt trong bối cảnh chung của đổi mới kinh tế - xã hội. Khi những điều kiện xã hội - lịch sử thay đổi thì giáo dục và quản lý giáo dục phải đổi mới theo xu hướng đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đổi mới quản lý giáo dục phải là sự đổi mới toàn diện từ quản lý giáo dục ở cấp vĩ mô đến quản lý giáo dục ở cấp vi mô, từ toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân đến các mắt xích nhỏ nhất là cơ sở giáo dục, từ nhà quản lý giáo dục đến đội ngũ giáo viên. Đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục là kế thừa, cải tiến và đưa yếu tố mới vào để tạo ra sự phát triển mới, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục trong xu thế ổn định.

### 2.2. Về mặt thực tiễn

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội thế giới hiện nay, cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã và đang phát triển với tốc độ ngày càng nhanh và mạnh hơn; nền kinh tế thế giới đang chuyển dần từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là xu thế tất yếu. Trong nước, chúng ta đang tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Để thực hiện được điều đó phải dựa vào nguồn lực con người, tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp so với các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

Về giáo dục, hiện nay, trên thế giới có các xu thế giáo dục lớn sau đây:

- Giáo dục thế giới mang tính đại chúng. Giáo dục cho mọi người (Education For All) đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia;
- Giáo dục thế kỷ XXI là một nền giáo dục suốt đời. Xu thế xây dựng xã hội học tập được xem là một chiến lược của các quốc gia không chỉ nhằm phát triển giáo dục, mà còn phát triển kinh tế - xã hội;
- Giáo dục là sự nghiệp hàng đầu của mỗi quốc gia;



- Giáo dục hướng vào phát triển nguồn nhân lực, hình thành những năng lực cơ bản mà thời đại mới đòi hỏi;

- Giáo dục lấy học sinh làm trung tâm. Giáo viên không còn giữ vai trò là nguồn duy nhất cung cấp kiến thức. Ngày nay, giáo viên là người hướng dẫn, tổ chức học sinh học tập và tự học, tự đánh giá [9, tr. 178-183].

Từ các xu thế giáo dục lớn, hình thành các xu thế cụ thể trong đổi mới giáo dục trên thế giới hiện nay: 1) Xu thế đổi mới mục tiêu của giáo dục: Theo Báo cáo giáo dục thế kỷ XXI, Ủy ban Quốc tế về giáo dục của UNESCO đã đề ra bốn trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI bao gồm: *Học để biết (Learning to know), Học để làm (Learning to do), Học để cùng chung sống (Learning to live together) và Học để tự khẳng định (Learning to be)*. 2) Xu thế đổi mới nội dung của giáo dục: Phát triển các môn học mới, đặc biệt là các môn học có tính chất liên ngành, liên lĩnh vực. 3) Xu thế đổi mới phương pháp dạy và học: Đổi mới phương pháp dạy và học nhằm biến quá trình dạy học thành quá trình hoạt động và tự học, v.v...

Thời gian vừa qua, giáo dục Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Kết luận ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nhận định: "Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, giữa dạy chữ, dạy nghề và dạy người; nội dung giáo dục còn nặng về lý thuyết, có mặt xa rời thực tế, chạy theo thành tích, chưa chú trọng giáo dục đạo đức, ý thức và trách nhiệm công dân..." [2, tr.1].

Những phân tích về bối cảnh kinh tế - xã hội - giáo dục trên thế giới và Việt Nam cho chúng ta thấy bức tranh toàn cảnh, chưa đựng yêu cầu tất yếu, khách quan về đổi mới giáo dục và quản lí giáo dục Việt Nam hiện nay.

### **3. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và quản lí giáo dục Việt Nam**

Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 là: "Nền giáo dục Việt Nam phải được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế ..." [1].

Việc đổi mới căn bản và toàn diện phải là đổi mới tất cả các khía cạnh: Từ đổi mới tư duy giáo dục nói chung, đổi mới toàn bộ hệ thống giáo dục đến đổi mới từng cơ sở giáo dục, từ đổi mới nhà quản lí giáo dục đến đổi mới đội ngũ giáo viên - những người trực tiếp tham gia công tác giáo dục.

#### **3.1. Đổi mới tư duy giáo dục**

Theo Báo Dân trí (số ra ngày 25/7/2013), Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực nhiệm

kì 2011 - 2015 của Chính phủ đã tiến hành cuộc họp về Đề án Đổi mới giáo dục vào ngày 24/7/2013. Một giải pháp quan trọng để đổi mới giáo dục được Hội đồng thảo luận là đổi mới tư duy giáo dục.

Vấn đề đổi mới tư duy giáo dục được xem như là giải pháp quan trọng nhất của việc đổi mới và cũng được các nhà khoa học, các nhà quản lí giáo dục đề cập tại Hội thảo "Bàn về giải pháp đột phá đổi mới quản lí giáo dục trong giai đoạn hiện nay" do Bộ Giáo dục - Đào tạo và Học viện Quản lí Giáo dục tổ chức ngày 09/8/2013 tại Hà Nội (theo Báo Giáo dục và Thời đại số ra ngày 09/8/2013).

Bàn về tư duy giáo dục, một số tác giả đề cập tới vấn đề triết lí giáo dục. Theo tác giả Nguyễn Lương Bằng (2011), khái niệm "triết lí giáo dục" hiểu theo nghĩa rộng, là hệ thống quan điểm, chủ trương, phương hướng giáo dục đáp ứng với yêu cầu thực tế, tình trạng kinh tế, chế độ chính trị, đời sống xã hội và trình độ văn hóa của thời đại [4, tr. 43].

Có thể nói một cách tổng quát: triết lí giáo dục Việt Nam thời nay, theo tác giả Phạm Minh Hạc (2011), là:

- Đường lối: *Giáo dục là quốc sách hàng đầu;*
- Sứ mệnh: *Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài;*
- Phương châm phát triển: *Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa;*
- Xây dựng nền giáo dục nhân văn với hạt nhân là giá trị bản thân [8, tr.104].

Nếu phân tích một cách cụ thể, những tư tưởng thể hiện trong các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước và các thay đổi của giáo dục Việt Nam trong thời gian gần đây cho chúng ta thấy rằng triết lí giáo dục Việt Nam đang thay đổi: Từ giáo dục cho số ít chuyển sang *giáo dục cho mọi người*, từ giáo dục phát triển chủ yếu dựa trên số lượng chuyển sang *phát triển theo chất lượng*.

- *Giáo dục cho mọi người*

Triết lí giáo dục cho mọi người thể hiện cụ thể như sau:

Ai dạy? Người dạy có trình độ chuẩn; người có kiến thức và kỹ năng hơn người học có thể là thầy, là người hướng dẫn.

Ai học? Ai muốn học đều có thể có cơ hội để học và có thể học được.

Dạy và học cái gì? Theo nhu cầu và khả năng của người học.

Học để làm gì? Có văn bằng để tìm việc làm, để có địa vị xã hội; nâng cao kiến thức để thích ứng với sự biến đổi của sản xuất và của xã hội.

Dạy thế nào? Dạy với các phương pháp thầy có khả năng, với các phương tiện và thiết bị mà thầy và trò có thể có được.



Học thế nào? Học dưới sự giảng dạy và hướng dẫn của người dạy hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học.

Dạy và học lúc nào? Bất cứ lúc nào thuận tiện cho người dạy và người học.

Dạy và học ở đâu? Ở bất kì đâu, nơi có điều kiện để dạy và học theo sự thỏa thuận của người dạy và người học [6, tr. 301-302].

### - *Giáo dục phát triển theo chất lượng*

Nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay là một bài toán lớn, cấp thiết trên toàn hệ thống, từ giáo dục chính quy đến giáo dục thường xuyên, bao gồm mọi cấp học và trình độ đào tạo, từ mầm non đến đại học và sau đại học.

Trong thời gian vừa qua, giáo dục nước ta chủ yếu phát triển theo chiều rộng, đặt trọng tâm vào mở rộng quy mô. Quá trình phát triển thiên về số lượng như vậy, trong giai đoạn hiện nay, phải chuyển sang phát triển theo chất lượng, để đáp ứng có hiệu quả hơn nhu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu nhân lực và đòi hỏi của đất nước trong phát triển nhanh và bền vững.

### 3.2. *Đổi mới quản lí giáo dục*

Hiện nay, để nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam thì đổi mới quản lí giáo dục phải được xem là giải pháp đột phá.

Đổi mới toàn bộ hệ thống quản lí giáo dục nói chung bao gồm:

a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ làm cơ sở triển khai thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục;

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quản lí và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lí nhà nước về giáo dục;

c) Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, xây dựng khung trình độ quốc gia về giáo dục tương thích với các nước trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo phân luồng trong hệ thống...; đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân;

d) Phân loại chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, các cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn phải có lộ trình để tiến tới đạt chuẩn; chú trọng xây dựng các cơ sở giáo dục tiên tiến, trọng điểm, chất lượng cao để đào tạo, bồi dưỡng các tài năng, nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế - xã hội;

d) Thực hiện quản lí theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và quy hoạch phát triển nhân lực của từng ngành, địa phương trong từng giai đoạn phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh;

e) Tập trung vào quản lí chất lượng giáo dục;

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quản lí giáo dục ở các cấp.

### 3.3. *Đổi mới cơ sở giáo dục*

Trong môi trường giáo dục, các trường học đã ra đời và thực hiện nhiệm vụ của nó từ bao đời nay. Khi tư duy về giáo dục đổi mới thì nhiệm vụ của nhà trường cũng phải đổi mới. Trong xu thế phát triển chung của thế giới và trong nước, nhà trường Việt Nam cần thay đổi theo chiều hướng sau:

*Thứ nhất*, nhiệm vụ chủ yếu nhất của nhà trường mới là tạo ra môi trường đòi hỏi người học tự học và từ đó có ý thức học tập suốt đời.

*Thứ hai*, nhà trường mới là nơi người học được hướng dẫn, để tự mình tìm ra chân lí.

*Thứ ba*, nhà trường mới cần định hướng và hỗ trợ người học tìm ra con đường và ngành học phù hợp nhất với khả năng của mình.

*Thứ tư*, nhà trường mới là nơi người học được trải nghiệm để hoàn thiện ba yếu tố: Thái độ - kiến thức - kỹ năng.

*Thứ năm*, nhà trường mới phải là trung tâm dịch vụ chất lượng cao đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của xã hội [5, tr. 131 – 183].

Như vậy, trong quá trình đổi mới nhà trường theo các chiều hướng nêu trên, từ năm 2008 đến nay, giáo dục Việt Nam chủ trương tiến hành xây dựng mô hình *trường học thân thiện, học sinh tích cực* là một chủ trương đúng đắn và cần thiết. Trường học thân thiện thể hiện qua bốn mặt: Thân thiện với địa bàn hoạt động, thân thiện trong tập thể sư phạm với nhau, giữa tập thể sư phạm với học sinh, cơ sở vật chất đảm bảo an toàn và văn minh. Trong trường học thân thiện, mọi hoạt động giáo dục trở nên nhẹ nhàng, vui tươi, hấp dẫn mọi người, nhất là người học. Mô hình này cần tiếp tục được mở rộng, rút kinh nghiệm và bổ sung cho phù hợp với đặc điểm dân tộc và yêu cầu của thời đại mới.

### 3.4. *Đổi mới chủ thể quản lí – nhà quản lí giáo dục*

Nhà trường mới đòi hỏi nhà quản lí giáo dục mới. Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lí giáo dục theo xu thế đổi mới, hiệu trưởng – nhà quản lí giáo dục cần phải phấn đấu đạt được các điều sau đây:

- Nhà quản lí giáo dục mới luôn phải là tấm gương về thái độ làm việc, tinh thần công tâm và sự nhiệt tình cao độ đối với sự nghiệp giáo dục;

- Nhà quản lí giáo dục mới phải có tinh thần dám làm, dám thực hiện những đổi mới liên tục và triệt để mang lại lợi ích cho nhà trường;

- Nhà quản lí giáo dục mới cần được đào tạo và có những kiến thức chuyên sâu về giáo dục và công tác quản lí giáo dục;

- Nhà quản lí giáo dục mới cần thông thạo các kỹ năng máy tính, khả năng khai thác internet và các thiết



bị công nghệ phục vụ cho công tác quản lý giáo dục;

- Nhà quản lý giáo dục mới cần sử dụng được tiếng Anh hoặc các ngoại ngữ thông dụng khác;
- Nhà quản lý giáo dục mới là người có khả năng lắng nghe và thấu hiểu mọi người;

- Nhà quản lý giáo dục mới là người có khả năng định hướng cho ngôi trường và khai tâm người học;

- Nhà quản lý giáo dục mới là người có khả năng nghiên cứu, tìm tòi, tự học hỏi và sáng tạo trong áp dụng các triết lý giáo dục tiên tiến và các phương án đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục tại cơ sở [5, tr. 298 – 331].

Phấn đấu đạt được các tiêu chuẩn nêu trên, nhà quản lý giáo dục sẽ góp phần quyết định sự thành công của nhà trường trong giai đoạn mới.

### **3.5. Đổi mới đội ngũ giáo viên**

Vai trò của giáo viên với tư cách là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục đã được biết đến từ lâu trên cơ sở tổng kết thực tiễn và các nghiên cứu của khoa học giáo dục. Chính vì thế, yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam theo hướng phát triển về chất lượng tất yếu đòi hỏi đổi mới đội ngũ giáo viên. Muốn vậy, không thể không đề cập đến đổi mới công tác đào tạo giáo viên.

Yêu cầu bức thiết đang được các nhà nghiên cứu đề xuất là *cải cách đào tạo giáo viên trong trường sự phạm* với mục đích xây dựng và triển khai một mô hình đào tạo giáo viên mới [10]. Mô hình đào tạo giáo viên mới có đặc trưng sau: 1) Mẫu hình giáo viên được đào tạo là mẫu hình giáo viên chuyên nghiệp có năng lực xử lí những tình huống khác nhau vì lợi ích của người học và đạo đức nghề nghiệp; 2) Hệ thống đào tạo giáo viên phải là hệ thống mở (mở trong tuyển sinh, đào tạo, quan hệ với nhà trường phổ thông và hội nhập quốc tế); 3) Quá trình đào tạo giáo viên phải là quá trình liên tục, trong đó các giai đoạn đào tạo (đào tạo ban đầu, giai đoạn tập sự, đào tạo tại chức, đào tạo tiếp tục, phát triển đội ngũ, tham gia các nghiên cứu khoa học về giáo dục) nằm trong quan hệ gắn bó, bổ sung cho nhau.

### **4. Kết luận**

Đổi mới giáo dục ở nước ta là một đòi hỏi tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trước những thay đổi mạnh mẽ của thời đại. Trong đổi mới giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục là giải pháp đột phá. Phân tích một cách toàn diện các vấn đề lý luận về bản chất của giáo dục và quản lý giáo dục, cũng như bối cảnh thực tiễn về tình hình kinh tế - xã hội - giáo dục trong và ngoài nước giúp chúng ta nhận thức một cách sâu sắc về tính tất yếu và cấp thiết của sự đổi mới. Đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục là đổi mới toàn diện từ tư duy về giáo dục, toàn bộ hệ thống quản lý giáo dục, đến đổi mới từng ngôi trường – cơ sở giáo dục, từng nhà quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020* (Ban hành theo quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 6 năm 2012).
2. Ban Chấp hành Trung ương, Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Kết luận số 51-KL/TW* ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*.
4. Nguyễn Lương Bằng (2011), *Triết lý giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Kí yếu Hội thảo Quốc gia về Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 1.
5. Tô Xuân Dân (chủ biên) (2011), *Bối cảnh mới, ngôi trường mới, nhà quản lý giáo dục mới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Trần Ngọc Giao (chủ biên) (2013), *Quản lý trường phổ thông, Chuyên đề 1 - Đường lối phát triển giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Phạm Minh Hạc (2011), *Đôi điều suy nghĩ về triết lý và đổi mới tư duy giáo dục trong thời kì đổi mới*, Kí yếu Hội thảo Quốc gia về Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 1.
9. Trần Kiểm (2011), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
10. Phạm Đỗ Nhật Tiến (2013), *Bài toán chất lượng giáo dục trong xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam*.

### **SUMMARY**

In present stage, Vietnamese education is confronting with the requirement for radical and comprehensive renovation for training high-quality human resources, in response to the requirement for integration and development. Renovation of curriculum and educational management must be placed in the general context of socio-economic reform. The paper has focused on analyzing the vitality of renovation from both theoretical and practice perspectives; the specific orientations for renovation of curriculum and educational management in present stage. In the paper, the author has emphasized the renovation of curriculum and educational management as a comprehensive renovation from thinking on education and the entire education management system, to renovation of individual schools – educational institutions, educational managers and teachers.